

## DỰ BÁO XU HƯỚNG GIÁ DẦU THẾ GIỚI ĐẾN NĂM 2020

Gần hai năm qua, trong bối cảnh căng thẳng giữa Nga và phương Tây do vấn đề Ucraina, tình hình Ai Cập chưa ổn định, cuộc xung đột ở Xyri chưa có hồi kết, cuộc chiến chống lực lượng Nhà nước Hồi giáo tự xưng IS với sự tham gia của cả Nga và phương Tây, căng thẳng giữa Iran và Ả-rập Xê-út, thỏa thuận giữa Iran và các nước, nhóm P5+1, các tay súng tấn công và cản trở hoạt động xuất khẩu dầu ở Libi, tình hình kinh tế Trung Quốc, Nga và một số nền kinh tế lớn và mới nổi khác giảm tốc, sự bùng nổ của sản xuất dầu đá phiến ở Mỹ và dầu cát ở Canada, thì một câu hỏi lớn lại xuất hiện là liệu giá dầu mỏ thế giới sẽ biến động như thế nào trong thời gian tới? Những dự đoán về giá dầu và giá xăng đều mang tính tạm thời vì hiện nay có quá nhiều nhân tố rủi ro về chính trị, an ninh và kinh tế đang cùng lúc tác động tới sự định hình của giá dầu. Do vậy, có thể nói thế giới đã bước vào một giai đoạn mà giá dầu tương đối khó dự đoán.

Tháng 6-2010, Công ty BP của Anh đã công bố một bản “thống kê năng lượng thế giới”, theo đó trữ lượng dầu mỏ toàn cầu đã được thăm dò đủ dùng trong 40 năm, song những tiến bộ về công nghệ cho phép thế giới có thể tiếp tục thăm dò và khai thác nhiều sản lượng dầu mỏ, nhưng với mức giá cao hơn. Hiện tại, chưa có số liệu chính xác về sản lượng dầu dự trữ trên Trái đất (có số liệu là 1.200 tỷ thùng, số liệu khác là 3.000 tỷ thùng), nhưng có một nhận định được phần lớn các chuyên gia đồng tình là sản lượng dầu khai thác theo phương pháp truyền thống trên phạm vi toàn cầu sẽ sụt giảm đáng kể sau năm 2035. Điều đó có nghĩa là công nghệ chỉ có thể giúp trì hoãn, chứ không thể xoay chuyển được chiều hướng dầu mỏ đang cạn kiệt và việc cung ứng dầu mỏ toàn cầu sẽ nhanh chóng sụt giảm vào năm 2035. Thế nhưng thực tế từ năm 2014, giá dầu và sản lượng dầu đã không xảy ra như vậy. Trong bối cảnh đó, mặc dù vị thế của Mỹ có sụt giảm, nhưng vai trò lãnh đạo thế giới của Mỹ vẫn có thể được bảo toàn. Một phần quan trọng là do Mỹ có thể tự chủ được nguồn năng lượng. Việc kiểm soát tỉ giá dầu của khối các nước xuất khẩu dầu mỏ OPEC trong thời gian tới, nhất là từ sau năm 2020, có thể sẽ bị vô hiệu hóa vì kinh tế thế giới sẽ không còn phụ thuộc vào dầu và khí do các nước này bán ra.

Bởi lẽ đến khi đó, khu vực Tây bán cầu có thể phát triển nguồn cung dầu và khí nhờ đổi mới công nghệ trích xuất khí đốt và dầu đá phiến. Mỹ có lẽ là bên hưởng lợi chính từ hướng phát triển này, nhờ các hình thức sản xuất dầu và khí đốt tự nhiên rẻ nhất thế giới và chi phí vận chuyển thấp do cơ sở hạ tầng phát triển. Theo tính toán của Cơ quan năng lượng quốc tế, năm 2016, Mỹ có thể chiếm vị trí nhà sản xuất dầu thô số 1 thế giới của Ả-rập Xê-út. Kết hợp giữa tăng sản lượng trong nước với giảm mức cầu do hiệu suất năng lượng cao hơn, Mỹ sẽ không chỉ có khả năng tự cung tự cấp, mà còn là nước xuất khẩu năng lượng lớn trong tương lai.

Sự mở rộng và chuyển giao công nghệ cũng như kỹ thuật khai thác khí đá phiến của Mỹ sang các nước phát triển khác hứa hẹn sẽ làm tăng sản lượng dầu mỏ thế giới, nhất là các quốc gia không thuộc OPEC với các mỏ khí đá phiến lớn chưa khai thác như Mêhicô, Áchentina, Trung Quốc, Ôxtrâyliya và Nga. Chỉ riêng sản lượng dầu mỏ của Mỹ đã tăng thêm xấp xỉ 3 triệu thùng/ngày trong sáu năm qua lên các mức cao nhất trong gần 25 năm qua và sẽ tiếp tục tăng từ mức 7,6 triệu thùng/ngày lên 9,6 triệu thùng/ngày vào cuối thập niên này. Dù tiếp tục thăm dò và khai thác những nguồn dự trữ đặc biệt, nhưng phần lớn các nước khác vẫn đi sau Mỹ về khả năng trích xuất, cơ sở hạ tầng vận chuyển. Trung Quốc có các nguồn dự trữ khí đốt đá phiến lớn, nhưng khó tiếp cận hơn Mỹ và đang thiếu công nghệ trích xuất cần thiết để đưa lượng khí đốt này ra thị trường.

Từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo, những thay đổi địa chính trị đi kèm biến động trên thị trường năng lượng, nhất là thị trường dầu khí, có thể mang nhiều sắc thái. Nếu các xu hướng khai thác và trích xuất năng lượng tiếp diễn, Mỹ sẽ chọn ít dính líu hơn đến Trung Đông. Trong khi đó, Ôxtrâyliya, một đồng minh thân cận của Mỹ, nổi tiếng với nguồn mêtan trong vỉa than, vừa rẻ vừa dễ trích xuất, có khả năng cạnh tranh hơn nguồn khí đốt đá phiến của Mỹ, hứa hẹn là nguồn cung cấp lớn cho Mỹ, giúp Mỹ luôn chủ động nguồn năng lượng, đảm bảo tuyệt đối an ninh năng lượng quốc gia. Theo đánh giá của Mỹ, lượng khai thác dầu mỏ ở Mỹ và Nam Mỹ có thể giảm, nhưng vẫn ở mức 30,07 triệu thùng/ngày vào năm 2016 và sau đó lại giảm còn 29,21 triệu thùng/ngày vào năm 2017.

Cơ quan thông tin năng lượng Mỹ cho biết những lô hàng dầu thô được cấp phép xuất khẩu ngày càng tăng và có thể Mỹ sẽ xuất khẩu dầu với mức 1,5 triệu thùng/ngày trong thời gian tới do việc cấm xuất khẩu dầu thô của Mỹ được bãi bỏ .

Không chỉ có tác động về thương mại, cuộc cách mạng dầu khí ở Mỹ còn tạo ra những hệ quả địa-chính trị sâu rộng. Bản đồ thương mại năng lượng toàn cầu đang được vẽ lại bởi lượng nhập khẩu của Mỹ tiếp tục giảm và các nhà sản xuất tìm thấy thị trường mới. Chẳng hạn, phần lớn dầu ở Tây Phi hiện “chảy” sang châu Á thay vì Mỹ. Sản lượng tiếp tục tăng của Mỹ sẽ gây áp lực lên giá dầu khí trên toàn cầu, từ đó giảm bớt đòn bẩy địa - chính trị mà một số nhà cung cấp năng lượng từng nắm trong tay nhiều thập niên qua. Dự báo, đến năm 2030, tổng cung dầu thô toàn thế giới khoảng 94 triệu thùng/ngày, nhiên liệu lỏng 112 triệu thùng/ngày, so với mức khoảng 84 triệu thùng dầu thô/ngày, nhiên liệu hóa lỏng 93,3 triệu thùng/ngày hiện nay.

Những người lạc quan về tương lai của an ninh dầu khí cho rằng, con người có thể sẽ tìm ra các nguồn nguyên liệu mới để bớt phụ thuộc vào dầu mỏ như hiện nay. Theo các chuyên gia năng lượng, nguồn nhiên liệu mới - còn có tên là “vàng xanh” có thể chiết xuất từ bất cứ cây cỏ gì mọc trên hành tinh chúng ta. Tại 30 quốc gia đang trồng cây hàng loạt những loại cây công nghiệp ngăn ngày như lạc, vừng, sắn, đậu nành, ngô, mía, kê, cải dầu, khoai tây... có thể chế ra những nhiên liệu hoàn toàn có thể thay thế nguồn xăng, dầu được tinh chế từ dầu thô. Cuộc cách mạng công nghệ nhiên liệu sinh học tại châu Âu, Mỹ, Braxin, Trung Quốc và nhiều nước khác đã thành công trong việc sản xuất trên phạm vi công nghiệp nhiên liệu từ nguồn dầu thực vật, từ đường mía hay củ cải, từ gỗ vụn, thậm chí từ nguồn rơm, rạ bỏ đi sau thu hoạch. Công nghệ mang tính đột phá này không còn là những thí nghiệm tại các trường đại học, mà đã được áp dụng đại trà tại nhiều quốc gia trên thế giới. Theo đánh giá của các chuyên gia năng lượng, đây là nguồn nhiên liệu phong phú và vô tận, giúp loài người không còn bị ám ảnh bởi khủng hoảng nhiên liệu.

Theo nhận xét của các chuyên gia thuộc cơ quan năng lượng quốc tế, công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học thay thế xăng, dầu có những bước tiến bộ hàng ngày. Tháng 7- 2005, tạp chí Science (Khoa học) đã thông báo về phương

pháp công nghệ mới cho phép sản xuất 2,2 đơn vị năng lượng từ một đơn vị nguyên liệu thực vật. Đây là bước tiến có ý nghĩa so với tám tháng trước đó, khi từ một đơn vị nguyên liệu thực vật chỉ cho 1,4 đơn vị năng lượng. Gần đây, tổ hợp dầu khí Shell cũng đã đầu tư để phát triển công nghệ sản xuất 3.325 lít dầu suníuel từ 1 hecta cải dầu, so với công nghệ trước đây chỉ cho 1.300 lít dầu. Ngoài ra, Shell còn hợp tác với công ty Iogen của Canada để phát triển công nghệ sản xuất ethanol từ nguồn rơm, rạ sau thu hoạch. Trong năm 2008, nhà máy theo công nghệ mới này đã xuất xưởng 200 nghìn tấn “xăng rơm” đáp ứng nhu cầu chạy ô tô, xe máy.

Braxin đang trở thành ông trùm sản xuất nhiên liệu sinh học - được mệnh danh là “Arập Xêút mới”: sản lượng ethanol đã chiếm tới trên 30% sản lượng của ngành nhiên liệu lỏng. Tại quốc gia này đã có trên 90% ô tô, xe máy 9 chạy bằng nhiên liệu sinh học được sản xuất từ cây mía và hạt cải dầu. Các đại gia nhiên liệu như BP, Shell đã có kế hoạch đầu tư vào Braxin 6 tỷ USD để xây dựng những nhà máy sản xuất ethanol từ cây mía. Đức cũng đang trở thành ông trùm nhiên liệu sinh học với sản lượng 1,5 triệu tấn cùng với mức gia tăng 50% sản lượng hàng năm. Theo dự kiến của một số chính phủ, trong vòng 5 năm tới, sản lượng nhiên liệu sinh học sẽ thay thế khoảng 20% lượng xăng, dầu truyền thống. Chính phủ Ấn Độ và Thái Lan cũng đã có kế hoạch sản xuất nguồn nhiên liệu sinh học để thay thế 10% nhu cầu về xăng, dầu. Công ty FortumOil đang tiến hành xây dựng nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học cho động cơ diesel tại ngoại ô Helsinki, Phần Lan.

Do những khó khăn về điều kiện tự nhiên, nên Nhật Bản Khua tự sản xuất được nguồn nhiên liệu sinh học, song cũng đã nhảy bén ký hợp đồng dài hạn với Braxin để nhập khẩu Kthanol với giá khá rẻ - chỉ có 25 USD/thùng, để thay thế 3% số lượng nhập khẩu xăng, dầu truyền thống.

Bên cạnh đó, những nhà chế tạo ô tô đang cho xuất xưởng các loại ô tô chạy bằng nhiên liệu sinh học như “xăng mía” hay “xăng rơm”. Để đón đầu khai thác những nguồn lợi nhuận của kỹ nguyên sinh học mang lại, đại gia ô tô Ford đã tung ra thị trường loại động cơ FFV (Flexible Fuel Vehíclê) vừa chạy xăng, vừa chạy ethanol. Để không chậm chân, các hãng ô tô General Motor (Mỹ), Peugeot (Pháp) và Volkswagen (Đức) cũng trình làng những loại động cơ ô tô

chạy ethanol hoặc xăng - ethanol hỗn hợp. Ông Wolfgang Steiger, phụ trách phòng nghiên cứu nhiên liệu sinh học, cho biết ngay- từ năm 2006 Volkswagen đã cho ra mắt loại động cơ ô tô chạy xăng ethanol hỗn hợp theo tỷ lệ 80:20. Các hãng vận tải ô tô cũng đang thay thế dần những loại xe tải chạy xăng bằng các loại xe chạy dầu thực vật nhằm mục đích tiết kiệm chi phí. Ông Dean Butler, Giám đốc Công ty vận tải Plymouth, cho biết nhờ chuyển sang dùng ethanol thay xăng, họ đã tiết kiệm được 4.000 unt trong những năm vừa qua.

Mỹ dự kiến đến năm 2020, nhiên liệu tái tạo phục vụ giao thông ở Mỹ mỗi năm phải đạt tới 36 tỷ gallon. Liên minh châu Âu (EU) thực hiện mục tiêu thay thế 10% nhiên liệu dùng trong vận tải bằng các nhiên liệu tái tạo. Canada yêu cầu trong xăng phải có 5% các nhiên liệu có thể tái tạo. Tại Brazil, có tới 90% các ô tô mới đã được lắp thiết bị sử dụng xăng ethanol và hướng tới cung cấp 64 tỷ lít nhiên liệu xanh vào năm 2019.

Như vậy, cuộc cách mạng công nghệ nhiên liệu sinh học là tiền đề vững chắc để khẳng định bước khởi động một cuộc cách mạng trong việc thay thế dần xăng, dầu truyền thống từ dầu mỏ bằng nguồn nhiên liệu sinh học. Điều này làm cho thế giới không còn lệ thuộc vào nguồn nhiên liệu dầu mỏ (vốn rất có hạn và không thể thay thế được). Đồng thời, việc khởi động các chương trình sản xuất nhiên liệu sinh học còn là cơ hội cho các nước châu Phi xóa đói giảm nghèo, vì họ có thể trồng sắn hay mía cho công nghiệp nhiên liệu sinh học để đổi lấy lúa mì và gạo.

## TTBD ĐBDC

Theo dự báo, dân số thế giới sẽ tăng từ mức 7,3 tỷ người năm 2014 lên 8,3 tỷ người vào năm 2030, đi liền với đó là những tiến bộ rất nhanh của ngành công nghiệp y tế dẫn đến tuổi thọ trung bình cũng tăng cao. Đây là dấu hiệu đầu tiên cho thấy nhu cầu năng lượng nói chung và nhu cầu dầu mỏ của thế giới nói riêng vẫn sẽ tăng. Theo báo cáo của OPEC ngày 13-7-2015, nhu cầu dầu mỏ toàn cầu trong năm 2015 tăng thêm khoảng 1,28 triệu thùng/ngày. Năm 2016, nhu cầu dầu sẽ tăng thêm 1,34 triệu thùng/ngày (tương ứng với mức tăng trưởng GDP toàn cầu khoảng 3,5%, so với mức tăng 3,2% của năm 2015), tức là nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ chung của thế giới vào năm 2016 ở mức khoảng xấp xỉ 100 triệu thùng/ngày, sau đó sẽ tăng lên tới 118 triệu thùng/ngày. Ở các nước phát triển, nhu cầu về dầu mỏ sẽ tăng từ 1,5 đến 2,0 lần, với tốc độ phát triển kinh tế

trung bình 3,5-4% trên toàn cầu, chủ yếu là do nhu cầu về giao thông vận tải tăng mạnh. Dự báo, nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ tại châu Á đến năm 2030 có thể đạt tới 42,6 triệu thùng/ngày, chiếm khoảng 38% mức tiêu thụ của thế giới. Nếu lấy trữ lượng toàn thế giới chia cho nhu cầu các thời điểm trên thì dầu mỏ chỉ đáp ứng nhu cầu của nhân loại đến năm 2050.

Bản đồ năng lượng thế giới từ năm 2020 đến 2030 sẽ có những thay đổi lớn. Theo phân tích của Cơ quan năng lượng quốc tế, nước Nga vốn lệ thuộc vào xuất khẩu năng lượng để thúc đẩy kinh tế, nhưng những thay đổi trên thị trường năng lượng thế giới sẽ ngày càng gây khó cho Nga, chi phí sản xuất khí đốt ở Nga cao hơn các nước khác và do vậy, Nga sẽ khó thu nhiều lợi nhuận trong những năm tới, khi mà giá có thể giảm đi ở châu Âu nhờ nhập từ Mỹ và ôxtrâyli. Trong khi đó, theo dự báo của OPEC, nhu cầu dầu mỏ thế giới vào năm 2016 sẽ ở mức thấp nhất trong 12; năm qua, chỉ ở mức 82,9 triệu thùng/ngày và thấp hơn sản lượng hiện tại 1,1 triệu thùng/ngày, OPEC hiện đang gặp khó khăn trong việc duy trì tổ chức bởi lẽ tất cả các thành viên đều có những lý do riêng; để nâng cao sản lượng khai thác và duy trì doanh thu dầu mỏ.

Sự kỳ vọng vào hoạt động xuất khẩu khí đốt tự nhiên của Mỹ trong thập niên tới cùng. với nguồn gia tăng từ hoạt động khai thác khí đá phiến trên toàn cầu có thể giảm giá khí đốt tự nhiên và đẩy nhanh tiến độ thay thế các sản phẩm dầu mỏ bằng khí đất trong ngành hoá dầu và các lĩnh vực khác, nhất là ở châu Á. Ông Michael Webber, Phó giám đốc Viện Năng lượng của Đại học Texas ở Austin, cho rằng thế giới hiện có đủ khí đốt tự nhiên với giá rẻ và công nghệ phát triển để lần đầu tiên có thể thảo luận nghiêm túc về việc chuyển sang sử dụng khí đốt tự nhiên như một loại nhiên liệu cho các phương tiện giao thông. Trong khi dầu vẫn có ảnh hưởng thống trị thị trường nhiên liệu thế giới thì nhiên liệu sinh học, điện và công nghệ mới cho phép tiết kiệm nhiên liệu đang trở thành những lựa chọn thay thế đáng chú ý, nên kỹ nguyên sử dụng dầu mỏ có dấu hiệu bắt đầu trên đường đi đến hồi kết.

Với việc Mỹ sản xuất nhiều hơn và nhập khẩu giảm đi, động lực của nhu cầu dầu mỏ thế giới đang nhanh chóng chuyển sang Trung Quốc, chiếm hơn 50% tăng trưởng nhu cầu dầu mỏ thế giới kể từ năm 2008. Trung Quốc đã vượt qua Mỹ để trở thành nước nhập khẩu dầu mỏ lớn nhất thế giới vào cuối năm

2015. Để đạt mục tiêu tăng trưởng GDP; vào năm 2020, lượng dầu mỏ tối thiểu mà Trung Quốc cần có là 450 triệu tấn/năm, và mức tối đa là 610 triệu tấn/năm, trong khi dự đoán sản lượng dầu mỏ sản xuất trong nước chỉ đạt từ 180-200 triệu tấn/năm. Điều này có nghĩa là sự phụ thuộc vào nguồn cung cấp dầu mỏ nước ngoài tại Trung Quốc ít nhất cũng tới trên 55% nhu cầu tiêu thụ năng lượng của Trung Quốc sẽ tăng lên khoảng 60% vào năm 2035 so với năm 2015. Nếu trung bình mỗi năm nhu cầu về dầu mỏ của Trung Quốc tăng 3,5%, thì đến năm 2030 lượng dầu mỏ tiêu thụ là 16,6 triệu thùng/ngày, vẫn đứng thứ hai thế giới, chỉ sau Mỹ. Dự kiến đến năm 2050, Trung Quốc sẽ dùng tới trên 800 triệu tấn dầu nhập khẩu do hạn chế về tài nguyên và khả năng sản xuất, sản lượng dầu trong nước sẽ ổn định ở mức khoảng 200 triệu tấn/năm, phải phụ thuộc vào nhập khẩu 75%.

Ấn Độ hiện là nước tiêu thụ năng lượng lớn thứ năm thế giới, sau Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản và Nga xét về mức tiêu thụ năng lượng, và nhu cầu sẽ tăng gấp đôi vào năm 2035. Vấn đề an ninh năng lượng, nhất là an ninh dầu mỏ đang trở thành một thách thức ngày càng lớn đối với Ấn Độ trên con đường phát triển. Theo Báo cáo năng lượng thế giới mới nhất của Cơ quan năng lượng quốc tế, Ấn Độ sẽ vượt Trung Quốc trong thập niên 2020 để trở thành nước đóng góp nhiều nhất vào mức tăng trưởng nhu cầu năng lượng toàn cầu, đặc biệt là nhu cầu về dầu khí. Tại nhiều vùng của Ấn Độ, khoảng 400 triệu người vẫn trong tình trạng thiếu điện và nhiên liệu. Ấn Độ cũng vấp phải vấn đề về cơ sở hạ tầng phục vụ năng lượng. Đây là thách thức không nhỏ đối với triển vọng hiện thực hóa mục tiêu tự chủ về năng lượng mà các nhà lãnh đạo Ấn Độ đang hướng tới. Nếu không đạt được mục tiêu đó và không đa dạng hóa được các loại nhiên liệu và nguồn cung cấp năng lượng thì vấn đề năng lượng, trong đó đặc biệt là dầu khí sẽ kìm hãm đáng kể khả năng phát triển sức mạnh của Ấn Độ trong tương lai.

Một trong những giải pháp mà Ấn Độ sử dụng để không phải phụ thuộc vào năng lượng bên ngoài là sử dụng năng lượng mặt trời. Hàng ngàn tấm panel biến năng lượng mặt trời thành điện lắp lánh nằm tại một khu vực trợ trợ khô cằn ở bang Gujarat miền Tây Ấn Độ đã thắp sáng các căn hộ kể từ năm 2014. Công viên năng lượng mặt trời lớn nhất châu Á, ở gần xã Charanka, được xây

dựng tháng 4-2013 bởi hơn mười công ty quốc tế để sản xuất 214 MW điện/ngày. Kể từ khi đó, đã có thêm các công viên mặt trời đưa lên lưới điện tại một quốc gia mà gần như đã không sản xuất được năng lượng mặt trời vào năm 2010. Ông Amit Kumar thuộc Viện Năng lượng và nguồn lực ở New Delhi cho biết giá năng lượng mặt trời sụt nhanh đã khiến cho loại năng lượng này trở nên khả thi về mặt thương mại. Cũng theo ông Amit Kumar, trong thời gian một năm nữa, khi nói về tiến bộ đạt được, chúng ta sẽ có khoảng 1.500 MW điện năng lượng mặt trời và đó là một thành quả. Giá cả cũng giảm xuống hên tục và chúng ta lại cảm thấy mục tiêu cho nhiều người dân sử dụng năng lượng mặt trời là có thể đạt được vào năm 2017.

Trước đây, nhiên liệu hoá thạch, đặc biệt là dầu khí được sử dụng để sản xuất phần lớn điện sử dụng tại Ấn Độ, nhưng chính phủ đã đề ra một mục tiêu kiên quyết là sản xuất ra 20.000 MW điện nhờ năng lượng mặt trời trước năm 2022. Ấn Độ đang hối thúc các công ty toàn cầu biến Ấn Độ thành một trung tâm năng lượng mặt trời. Với khoảng 400 triệu người không có điện để sử dụng, phần lớn ở các vùng nông thôn, Ấn Độ cần đến các nguồn năng lượng mới một cách cấp thiết. Theo các chuyên gia phân tích, với các khu vực nhiệt đới rộng lớn và ánh sáng mặt trời gần như tràn ngập quanh năm, Ấn Độ có thể trở thành một thị trường “nóng” cho năng lượng mặt trời nếu như các chính sách của chính phủ tiếp tục hỗ trợ khu vực này. Bộ trưởng Liên bang phụ trách xăng dầu và khí tự nhiên của Ấn Độ cho biết đến năm 2030, nước này có thể độc lập về năng lượng mà không còn phải phụ thuộc vào bên ngoài. Khả năng độc lập về năng lượng nói chung và dầu khí nói riêng nếu có thể hiện thực hóa sẽ là nhân tố rất quan trọng góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp của Ấn Độ trong quan hệ quốc tế, nhất là trong bối cảnh các nguồn tài nguyên năng lượng đang cạn kiệt dần và vấn đề năng lượng đang chi phối rất lớn chính sách đối ngoại của các nước và quan hệ quốc tế nói chung.

Bên cạnh đó, theo một thông báo mới đây nhất, Nhật Bản không thể không sử dụng điện hạt nhân trước nhu cầu sử dụng năng lượng lên cao, bởi lẽ nếu Nhật Bản tiếp tục hạn chế năng lượng hạt nhân, quốc gia này sẽ phải lệ thuộc vào nguồn năng lượng nước ngoài, đặc biệt là dầu khí để đáp ứng nhu cầu của mình. Điều đó có nghĩa là, khả năng thiếu năng lượng có thể buộc Nhật Bản



phải tìm những biện pháp mạnh mẽ hơn để duy trì nguồn cung từ các khu vực khác ngoài Trung Đông. Do vậy, sẽ đẩy quan hệ quốc tế căng thẳng không chỉ ở khu vực Trung Đông mà cả ở các khu vực khác. Trong bối cảnh đó, căng thẳng và cạnh tranh trong khai thác và quyền khai thác năng lượng ở Biển Đông và Biển Hoa Đông cũng có thể tăng lên cho dù giá năng lượng thế giới rẻ hơn và hoạt động khai thác ở đây trở nên phi kinh tế và ít giá trị, bởi lẽ hoạt động thăm dò và khai thác ở khu vực này còn mang ý nghĩa an ninh - quân sự và yêu sách chủ quyền lãnh thổ.

